| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4- LÂM ĐỒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Số: 54/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13-09-2025.
V/v: Ly hôn giữa anh H và chị T

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-LÂM ĐỒNG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đoàn Thị Thuận.
*Các hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Hoàng Xuân Tỵ.
2. Ông Vũ Khắc Quế.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Tài - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 13 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Số 123/9 đường P, phường 1 Bảo Lộc, tỉnh L.( trước đây là Số 123/9 đường P, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh L).

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị Thu T, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Số 34 đường L, Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh L. (trước đây là Số 34 đường L, xã Lộc Thanh, thành phố Bảo Lộc, tỉnh L).

(Tại phiên tòa anh H vắng mặt có đơn xin vắng mặt; chị T văng mặt không có lý do).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2025, các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị Thu T có đăng ký kết hôn vào ngày 03/9/2019 tại UBND xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (nay là UBND xã Bảo Lâm 3, tỉnh Lâm Đồng). Hôn nhân tự nguyện tiến bộ không ai bị ép

buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế và mối quan hệ xã hội nên vợ chồng thường xảy ra tranh cãi. Hiện nay vợ chồng mạnh ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm của anh với chị T không còn, hôn nhân không hạnh phúc, anh đề nghị được ly hôn với chị Bùi Thị Thu T.

Về con chung: Anh khai không có.

Về tài sản chung: Anh khai không có.

Về nợ chung: Anh khai không có.

*Trong qúa trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Bùi Thị Thu T trình bày:* Chị và anh Trần Văn H đăng ký kết hôn đúng như anh H trình bày. Hai bên tự nguyện đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu 02 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cách làm ăn kinh tế. Nay tình cảm giữa chị và anh H không còn, hôn nhân không hạnh phúc. Nay anh H yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý.

Về con chung: Chị khai không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ chị Bùi Thị Thu T đến để giải quyết nhưng chị T vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa: Anh Trần Văn H có đơn xin vắng mặt; chị Bùi Thị Thu T vắng mặt không lý do.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lâm Đồng tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn H đối với chị Bùi Thị Thu T; Về con chung: không có; tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét; về án phí: anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) 300.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Trần Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Bùi Thị Thu T có nơi cư trú tại số nhà số 34 đường Lê Đình Chinh, Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4- Lâm Đồng.

[2]. Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Bùi Thị Thu T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn H và chị Bùi Thị Thu T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh H và chị T xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cách làm ăn kinh tế nên thường xảy ra cãi vả, hôn nhân không hạnh phúc. Qua xác minh tại chính quyền địa phương và người thân cho thấy vợ chồng anh H và chị T thường xích mích, cãi vã. Từ khoảng tháng 03/2025 cho đến nay chị T đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là có căn cứ.

[4]. Về con chung: Anh H và chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Anh H và chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Anh H và chị T khai không có, trong quá trình giải quyết vụ án không ai có tranh chấp gì nên không xem xét.

[7]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[8]. Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử**:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Văn H. Cho ly hôn giữa anh Trần Văn H và chị Bùi Thị Thu T.

2. Về con chung: Anh H và chị T khai không có.

3. Về tài sản chung: Anh H và chị T khai không có.

4. Về nợ chung: Anh H và chị T khai không có, trong quá trình giải quyết vụ án không ai có tranh chấp gì nên không xem xét.

5. Về án phí: Anh Trần Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000924 ngày 24/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4- Lâm Đồng). Anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận***:
+ Các đương sự;
+ VKSND khu vực 4- Lâm Đồng;
+ T.H.A dân sự tỉnh Lâm Đồng;
+ TAND tỉnh Lâm Đồng;
+ UBND xã Bảo Lâm 3, tỉnh Lâm Đồng;
+ Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Thuận**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Thuận**